

Tài khoản Giao dịch và Lưu ký chứng khoán số: 	HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN <i>(Kiêm Đề Nghị Mở Tài Khoản và Đăng ký dịch vụ)</i> Số /HD-SBBS
--	--

Hợp Đồng Mở Tài Khoản này (gọi tắt là “**Hợp Đồng**”) được ký tại, ngày..... bởi và giữa:

I. KHÁCH HÀNG		
1. Họ và tên (in hoa):		
2. Ngày Sinh/ Ngày thành lập:	3. Giới tính : ☐ Nam ☐ Nữ	4. Loại hình: ☐ Cá nhân ☐ Tổ chức
5. Số CCCD/ĐKKD/Hộ chiếu:	6. Ngày cấp:	7. Nơi cấp:
8. Ngành nghề kinh doanh:	9. Mã số thuế:	10. Quốc tịch:
11. Địa chỉ thường trú /Trụ sở:		
12. Địa chỉ liên hệ:		
13. Điện thoại di động (*):	14. Thư điện tử (**):	
(Số điện thoại di động (*) và Thư điện tử (**) được sử dụng để đăng ký các dịch vụ và giao dịch trực tuyến.)		
15. Điện thoại cố định:	16. Fax:	
17. Người đại diện:	18. Số CCCD/Hộ chiếu:	
19. Chức vụ:	20. Quyết định ủy quyền số: ngày / /	
Giấy tờ kèm theo: ☐ Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu ☐ Bản sao Giấy ĐKKD ☐ Mã số giao dịch (Khách Hàng nước ngoài) ☐ Khác		

II. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBB (SBBS)

Giấy phép hoạt động số **94/UBCK-GP** do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/07/2008 được sửa đổi bổ sung theo thời gian.

Trụ sở : Lầu 9, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (84-28) 39143399 Fax: (84-28) 39143388 Mã số thuế: 0305880849

Đại diện bởi : Chức vụ:

Số CMND/ Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Theo giấy ủy quyền số: Ngày..... được ký bởi Tổng Giám đốc.

Khách Hàng và SBBS đồng ý ký kết Hợp đồng mở tài khoản kiêm Đề Nghị Mở Tài khoản và Đăng ký dịch vụ (gọi tắt là “**Hợp đồng**”). Khách Hàng xác nhận đã được tư vấn, hiểu rõ và đồng ý với nội dung của Hợp đồng và các quy định tại Phần D - Các điều khoản và điều kiện Hợp đồng. Khách Hàng xác nhận đã nhận và giữ một bản Hợp đồng.

KHÁCH HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SBB
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chữ ký mẫu 1	Chữ ký mẫu 2	Nhân viên nhập liệu	Kiểm soát
Thông tin về người tư vấn mở tài khoản			Chữ ký
Họ và tên: Mã nhân viên:..... Số chứng chỉ hành nghề: Quan hệ giữa người tư vấn và khách hàng: ☐ Mới quen ☐ Khác:..... Ý kiến của người tư vấn:.....			
Kiểm tra và xác nhận của Nhân viên tư vấn và Nhân viên nhân hồ sơ: Tôi xác nhận rằng Khách Hàng đã ký Hợp đồng này trước sự chứng kiến của tôi sau khi Khách Hàng đã đọc và đồng ý với “Các Điều kiện và Điều khoản của Hợp đồng”. Tôi đã đối chiếu các thông tin cá nhân cơ bản mà Khách Hàng cung cấp với những giấy tờ kèm theo và xác nhận rằng những thông tin đó là hoàn toàn chính xác.			

A. Thông tin khác của Khách Hàng (nếu có)				
1. Công ty đại chúng mà Khách Hàng là Người nội bộ (nếu có):				
STT	Tên Công ty đại chúng	Mã cổ phiếu	Chức vụ của Người nội bộ	
2. Trường hợp Khách Hàng là Người nội bộ của Công ty đại chúng như nêu tại mục (1) trên đây, vui lòng cung cấp các thông tin dưới đây về người có liên quan của khách hàng (nếu có):				
STT	Họ và Tên	Mối quan hệ	Số CMND/CCCD	
3. Công ty đại chúng mà Khách Hàng sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên (nếu có):				
STT	Tên Công ty đại chúng	Mã cổ phiếu		
4. Khách Hàng là công dân Hoa Kỳ, đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ ☐ Có ☐ Không hoặc có thông tin liên quan đến Hoa Kỳ:				
B. Khách Hàng đăng ký loại tài khoản				
1. Đăng ký loại tài khoản:		☐ Loại 1: Lưu ký chứng khoán và thanh toán tiền tại SBBS. ☐ Loại 2: Lưu ký chứng khoán tại SBBS, thanh toán tiền qua Ngân hàng Số tài khoản dùng để giao dịch chứng khoán:..... Chi nhánh ngân hàng:.....		
2. Đăng ký mở Tài khoản Giao dịch ký quỹ		☐ Có, Khách Hàng ký xác nhận ☐ Không		
C. Đăng ký dịch vụ giao dịch trực tuyến và các dịch vụ				
1. Phương thức đặt lệnh:		☐ Giao dịch trực tuyến ☐ Điện thoại		
2. Dịch vụ nhận tin nhắn SMS:		☐ Có ☐ Không <i>Thông tin kết quả khớp lệnh giao dịch tài khoản và các thông tin khác theo quy định của SBBS từng thời kỳ. SBBS có thể thu phí với dịch vụ này.</i>		
3. Dịch vụ chuyển tiền tới tài khoản ngân hàng đăng ký trước:		☐ Có ☐ Không Hạn mức chuyển khoản trong ngày: Tài khoản nhận tiền tại Ngân hàng (Khách Hàng vui lòng gạch chéo phần không đăng ký):		
STT	Số tài khoản ngân hàng	Tên người thụ hưởng	Ngân hàng – Chi nhánh	Khách Hàng ký xác nhận
Ngoài các Tài khoản ngân hàng thụ hưởng đã đăng ký, Khách Hàng có thể: (1) Yêu cầu chuyển tiền tới bất kỳ tài khoản nào đứng tên Khách Hàng tại các ngân hàng trên toàn quốc; và (2) Chuyển tiền giữa các tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường, tài khoản giao dịch ký quỹ và các tiểu khoản khác đứng tên Khách Hàng tại SBBS.				

D. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG
--

I. ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

Cho mục đích của Hợp Đồng này, trừ trường hợp được định nghĩa rõ ràng khác đi tại Hợp Đồng này hoặc nội dung của thuật ngữ đó được quy định khác đi một cách rõ ràng, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như được quy định như sau:

- 1.1. “**Khách Hàng**” có nghĩa là cá nhân/tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện để mở tài khoản giao dịch chứng khoán, theo quy định pháp luật và quy định của SBBS và đã ký kết Hợp Đồng Mở Tài Khoản với SBBS.
- 1.2. “**Chứng Khoán**” là tài sản, bao gồm các loại cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền, chứng khoán phái sinh và các loại chứng khoán khác được quy định theo Luật Chứng khoán hiện hành được phép giao dịch có trong Tài Khoản Giao Dịch.

- 1.3. “SBBS” có nghĩa là Công ty cổ phần chứng khoán SBB, một công ty chứng khoán được thành lập và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam có giấy phép hoạt động số 94/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/07/2008 được sửa đổi bổ sung theo thời gian.
- 1.4. “Sở Giao Dịch Chứng Khoán” là Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam hoặc các sở giao dịch chứng khoán khác được phép thành lập hợp pháp tại Việt Nam.
- 1.5. “Tài Khoản Giao Dịch” nghĩa là các tài khoản giao dịch mà Khách Hàng mở tại SBBS, bao gồm tài khoản giao dịch chứng khoán và tài khoản giao dịch ký quỹ và các loại tài khoản giao dịch khác theo quy định của pháp luật
- 1.6. “Tài Khoản Giao Dịch Chứng khoán” hoặc “TKGDCK” nghĩa là tài khoản lưu ký và tài khoản giao dịch chứng khoán được mở tại SBBS, để phục vụ cho các giao dịch Chứng Khoán mà Khách Hàng thực hiện tại SBBS.
- 1.7. “Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ” hoặc “TKGDKQ” là tài khoản đứng tên của Khách Hàng mở tại SBBS, để phục vụ cho giao dịch ký quỹ.
- 1.8. “Ứng Trước Tiền Bán Chứng Khoán” là dịch vụ được SBBS cung cấp cho những Khách Hàng có đăng ký sử dụng theo đó SBBS sẽ ứng trước một khoản tiền cho Khách Hàng trên cơ sở tiền Khách Hàng sẽ thu được từ lệnh bán chứng khoán đã xác nhận khớp.

ĐIỀU 2. NỘI DUNG VÀ MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG

- 2.1. Phụ thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này và theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư, SBBS đồng ý mở một tài khoản giao dịch chứng khoán dưới tên của Khách Hàng để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cho Khách Hàng theo lệnh của Khách Hàng. Cụ thể là, SBBS sẽ thực hiện các hoạt động sau đây vì lợi ích của Khách Hàng:
 - (a) Thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách Hàng (bao gồm nhưng không giới hạn ở Mua/bán Chứng Khoán, Nộp/rút/chuyển tiền cơ sở, ứng trước tiền bán Chứng Khoán);
 - (b) Quản lý và thực hiện tất cả các quyền liên quan đến chứng khoán tại Tài Khoản Giao Dịch theo thỏa thuận mà SBBS đã ký với Khách Hàng, phù hợp với chức năng của SBBS;
 - (c) Thực hiện lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán qua Trung tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam theo ủy quyền của Khách Hàng;
 - (d) Thực hiện các dịch vụ khác theo thỏa thuận được ký giữa hai bên theo từng thời điểm và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (e) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được SBBS cung cấp theo từng thời điểm và được công bố trên website chính thức của SBBS.
- 2.2. Khách Hàng đồng ý ủy quyền cho SBBS được toàn quyền truy cập vào Tài Khoản Ngân Hàng của mình để kiểm tra số dư vào đầu ngày giao dịch, yêu cầu Ngân hàng thực hiện phong tỏa số dư để thanh toán các lệnh giao dịch đã được thực hiện của Khách Hàng cùng với các khoản phí và thuế (nếu có) và thanh toán cho các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận giữa Khách Hàng với SBBS.

ĐIỀU 3. CÁCH THỨC ĐẶT LỆNH

Khách Hàng được phép thực hiện giao dịch thông qua một trong các phương thức sau:

- (a) tại điểm giao dịch của SBBS;
- (b) bằng các phương thức khác mà Khách Hàng đã đăng ký tại phần C của Hợp đồng này;

ĐIỀU 4. ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

- 4.1. Việc thực hiện dịch vụ Ứng Trước Tiền Bán Chứng Khoán sẽ được SBBS cung cấp dựa trên các nguyên tắc sau đây:
 - (a) Lệnh bán chứng khoán của Khách Hàng đã khớp và SBBS xác nhận Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng sẽ có tiền về từ lệnh bán đã khớp đó. Sau khi lệnh bán Chứng Khoán của Khách Hàng được khớp lệnh, số tiền còn lại (sau khi tạm trừ các loại phí giao dịch, thuế sẽ được tự động cộng với số dư tiền mặt trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng để sử dụng;
 - (b) Khách Hàng chỉ được phép sử dụng tiền ứng trước trong hạn mức được ứng trước sau khi trừ phí dịch vụ và chi phí khác theo quy định của SBBS;
 - (c) Số tiền ứng trước chỉ tương ứng với số tiền Khách Hàng thiếu trên tài khoản để thực hiện các giao dịch chứng khoán và/hoặc rút tiền, chuyển khoản tiền.
- 4.2. Khách Hàng tại đây nhận nợ vô điều kiện đối với Ứng Trước Tiền Bán Chứng Khoán được SBBS thực hiện tự động.
- 4.3. Khách Hàng đồng ý thế chấp toàn bộ số tiền bán chứng khoán đang chờ về của Khách Hàng để làm tài sản bảo đảm cho SBBS và đồng ý trả lãi cho khoản tiền ứng trước của SBBS theo mức lãi suất do SBBS quy định
- 4.4. SBBS có quyền đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ Ứng Trước Tiền Bán Chứng Khoán cho Khách Hàng nếu SBBS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho SBBS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của SBBS hoặc quy định của pháp luật.

ĐIỀU 5. CAM KẾT CHUNG

- 5.1. Khách Hàng thừa nhận rằng luôn tồn tại rủi ro có thể xảy ra khi thực hiện các giao dịch Chứng Khoán và sẽ chấp nhận mọi mất mát và thiệt hại có thể phát sinh mà không phải do lỗi của SBBS. Đồng thời, Khách Hàng đã đọc và hiểu rõ các điều kiện và điều khoản của Hợp Đồng này.
- 5.2. Khi ký kết Hợp Đồng này, Khách Hàng thừa nhận rằng SBBS đã thông báo đầy đủ về chức năng phạm vi kinh doanh theo Giấy phép Kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện ký Hợp Đồng thay SBBS; Khách Hàng đã chấp nhận và đồng ý ký kết Hợp Đồng này.
- 5.3. Khách Hàng thừa nhận rằng vào thời điểm ký kết Hợp Đồng, Khách Hàng đã được SBBS hướng dẫn về cách thức giao dịch, đặt lệnh và đã được cung cấp mọi thông tin và yêu cầu về Chứng Khoán và thị trường chứng khoán, cũng như khả năng mang lại lợi nhuận và chịu rủi ro của Khách Hàng khi đầu tư chứng khoán. Khách Hàng cũng hiểu rằng tất cả các thông tin, phân

tích, tư vấn và ý kiến mà SBBS cung cấp chỉ mang tính tham khảo và Khách Hàng sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

- 5.4. Khi ủy quyền cho người khác bằng văn bản để thực hiện các giao dịch Chứng Khoán trên Tài Khoản Giao Dịch của mình, Khách Hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng và đồng ý chịu trách nhiệm cuối cùng về bất kỳ các nghĩa vụ nào phát sinh do Người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi ủy quyền.
- 5.5. Khi đặt lệnh bán Chứng Khoán, Khách Hàng cam kết rằng Khách Hàng có đủ số lượng Chứng Khoán được bán trên Tài Khoản Giao Dịch hoặc trường hợp khác được pháp luật cho phép giao dịch.
- 5.6. Khi sử dụng dịch vụ Ứng trước tiền bán chứng khoán tự động, Khách Hàng đồng ý cho phép SBBS được tự động khấu trừ từ tiền bán Chứng khoán đã về trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng để thu hồi các khoản tiền mà SBBS đã ứng trước cho Khách Hàng cộng với các khoản lãi có liên quan phát sinh theo lãi suất được quy định bởi SBBS.
- 5.7. Khách Hàng thừa nhận rằng việc đặt lệnh thông qua các phương tiện như điện thoại, mạng internet luôn tồn tại những rủi ro do lỗi của hệ thống hoặc do bất kỳ bên thứ ba nào khác. Vì vậy, khi thực hiện đặt lệnh theo các hình thức này, Khách Hàng cam kết chịu mọi rủi ro, mất mát hoặc thiệt hại phát sinh đối với Tài Khoản Giao Dịch do lỗi của hệ thống hoặc do bất kỳ bên thứ ba nào khác.
- 5.8. Khách Hàng đồng ý ủy quyền cho SBBS yêu cầu Ngân hàng được chỉ định cung cấp và đối chiếu số dư trên Tài Khoản Ngân Hàng của mình đồng thời phong tỏa số dư để thu hồi tiền về cho SBBS trong trường hợp SBBS chuyển tiền nhằm vào Tài Khoản Ngân Hàng của Khách Hàng và Khách Hàng đã được SBBS thông báo.
- 5.9. Khách Hàng cam kết tuân thủ các quy định của SBBS và Ngân hàng được chỉ định trong việc kết nối thanh toán giữa Tài Khoản Giao Dịch và Tài Khoản Ngân Hàng.
- 5.10. Khách Hàng đồng ý rằng SBBS chỉ phải thông báo các thông tin liên quan đến Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng thông qua tin nhắn đến số điện thoại và địa chỉ thư điện tử mà Khách Hàng đã đăng ký với SBBS. Trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào về các thông tin này, Khách Hàng sẽ thông báo cho SBBS theo mẫu văn bản được quy định bởi SBBS.
- 5.11. Khi ký tên vào các hồ sơ, tài liệu, phiếu lệnh và bất kỳ các hồ sơ nào khác để yêu cầu SBBS thực hiện giao dịch trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng, Khách Hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đề nghị SBBS thực hiện giao dịch thay cho mình. SBBS chỉ có trách nhiệm thực hiện giao dịch theo yêu cầu của Khách Hàng mà không phải chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách Hàng.
- 5.12. Trong quá trình tiến hành giao dịch, Khách Hàng cam kết và tuân thủ tất cả các quy trình về giao dịch chứng khoán do SBBS quy định.
- 5.13. Các bên thống nhất rằng, trừ trường hợp quy định tại Điều 18.2(f) của Hợp Đồng này, Khách Hàng được quyền đề nghị tra soát số dư cũng như các chi tiết phát sinh giao dịch trong thời hạn mười hai (12) tháng kể từ ngày phát sinh giao dịch. Sau thời hạn này, SBBS có quyền từ chối đề nghị tra soát của Khách Hàng. Mọi chi phí phát sinh từ việc tra soát số dư và các chi tiết phát sinh giao dịch sẽ do Khách Hàng chịu.
- 5.14. Khách Hàng có nghĩa vụ ngay lập tức thông báo cho SBBS về việc trở thành hoặc không còn là người nội bộ, người có liên quan đến người nội bộ; trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của bất kỳ công ty đại chúng nào, và thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6. GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

- 6.1. Khách Hàng có thể sử dụng dịch vụ giao dịch qua internet (thông qua website, ứng dụng của SBBS hoặc địa chỉ khác được SBBS thông báo), điện thoại (thông qua tổng đài đặt lệnh Call Center của SBBS), fax, e-mail và các phương tiện truyền dẫn khác mà SBBS triển khai tại từng thời điểm ("**Hệ Thống**") mà Khách Hàng đã đăng ký sử dụng tại Hợp đồng này (được cập nhật, sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm) và được SBBS chấp thuận (sau đây gọi chung là "**Giao Dịch Điện Tử**"). Các dịch vụ Giao Dịch Điện Tử bao gồm nhưng không giới hạn bởi truy vấn số dư tài khoản tiền/tài khoản chứng khoán, sao kê lịch sử giao dịch chứng khoán/giao dịch tiền, đặt lệnh/hủy lệnh giao dịch chứng khoán, ứng trước tự động tiền bán chứng khoán, chuyển khoản chứng khoán giữa tài khoản thường và tài khoản ký quỹ, chuyển, rút tiền, thực hiện quyền liên quan đến chứng khoán, bán chứng khoán lô lẻ, các công cụ hỗ trợ phân tích đầu tư, các công cụ hỗ trợ theo dõi và quản lý tài khoản. SBBS có quyền dừng, bổ sung hoặc thay đổi việc cung cấp bất kỳ dịch vụ Giao Dịch Điện Tử nào tại từng thời điểm sau khi đã thông báo công khai cho Khách Hàng. SBBS có quyền điều chỉnh nội dung cụ thể của từng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử hoặc chấm dứt việc cung cấp bất kỳ dịch vụ Giao Dịch Điện Tử nào với điều kiện là SBBS công bố nội dung thay đổi tại website và/hoặc tại các địa điểm giao dịch của SBBS trước khi áp dụng.
- 6.2. Khách Hàng có thể sử dụng dịch vụ giao dịch qua internet. Khách Hàng đăng ký giao dịch trực tuyến sẽ được SBBS cấp một tên đăng nhập ("**Tên Đăng Nhập**") và một mật khẩu đăng nhập ("**Mật Khẩu**"). Khách Hàng được SBBS cung cấp một mã PIN và/hoặc mật khẩu động (tùy theo chính sách của SBBS vào từng thời điểm). SBBS khuyến cáo Khách Hàng thay đổi Mật Khẩu và mã PIN ngay sau khi được cấp. Khách Hàng chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự an toàn và tính bảo mật của Mật Khẩu, mã PIN và/hoặc mật khẩu động. SBBS không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí nào liên quan đến việc Khách Hàng không đảm bảo bí mật về Mật Khẩu và/hoặc mã PIN và/hoặc mật khẩu động, hoặc bất kỳ sự truy cập trái phép nào dưới Tên Đăng Nhập của Khách Hàng vào hệ thống của SBBS.
- 6.3. Khách Hàng chịu trách nhiệm hoàn toàn về bất kỳ lệnh, chỉ thị nào được gửi, hoặc bất kỳ giao dịch nào được thực hiện qua Hệ Thống dưới Tên Đăng Nhập của Khách Hàng, ngay cả đối với các lệnh hoặc chỉ thị được gửi do sơ suất hoặc ngoài ý muốn của Khách Hàng, hoặc vượt quá các hạn mức giao dịch (nếu có). SBBS không có nghĩa vụ kiểm tra, phát hiện, sửa lại, ngăn chặn hoặc dừng bất kỳ lệnh, chỉ thị hoặc giao dịch nào như vậy.
- 6.4. Khách Hàng công nhận rằng bất cứ hành động truy cập/giao dịch nào vào/trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng bằng tên truy cập với đúng Tên Đăng Nhập hoặc các yếu tố định danh khác do SBBS cung cấp cho Khách Hàng và/hoặc do Khách Hàng tự động thay đổi trên Hệ Thống đều được coi là được khởi tạo và thực hiện bởi ý chí và hành động của Khách Hàng.
- 6.5. Khách Hàng thừa nhận rằng các yêu cầu giao dịch tiền và chứng khoán của Khách Hàng được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ hoặc ghi/ghi âm trên Hệ Thống của SBBS là các chứng từ điện tử có giá trị pháp lý như các chứng từ giấy có chữ ký hợp lệ của Khách Hàng.

- 6.6. Thời điểm nhận yêu cầu giao dịch điện tử là thời điểm Hệ Thống của SBBS nhận được chứng từ điện tử đầy đủ và hợp lệ của Khách Hàng.
- 6.7. Để sử dụng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử, Khách Hàng có nghĩa vụ cung cấp và cập nhật số điện thoại di động và địa chỉ hộp thư điện tử thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp của Khách Hàng. SBBS sẽ xác nhận thông tin về Tài Khoản Giao Dịch, các giao dịch phát sinh và các vấn đề có liên quan khác thông qua số điện thoại và hộp thư điện tử do Khách Hàng cung cấp. Thời điểm Khách Hàng nhận được thông tin được các bên mặc định là thời điểm Hệ Thống xác nhận đã gửi thông tin. Khách Hàng chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp điện thoại hoặc hộp thư điện tử của Khách Hàng không hoạt động hoặc không thể nhận tin.
- 6.8. SBBS có quyền tạm ngưng/ chấm dứt cung cấp dịch vụ Giao Dịch Điện Tử khi: (i) có thông báo trước cho Khách Hàng ba (03) ngày; (ii) Khách Hàng vi phạm quy định tại Hợp đồng này.
- 6.9. Khách Hàng có quyền yêu cầu chấm dứt sử dụng dịch vụ vào bất kỳ thời điểm nào với điều kiện việc chấm dứt phải được thực hiện theo đúng quy định của SBBS và được SBBS chấp thuận bằng văn bản.
- 6.10. Việc cung cấp dịch vụ Giao Dịch Điện Tử sẽ tự động chấm dứt khi Hợp đồng Mở Tài Khoản chấm dứt vì bất kỳ lý do nào.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN VỀ CÔNG BỐ CÁC RỦI RO TIỀM TÀNG CÓ THỂ PHÁT SINH

- 7.1. Việc sử dụng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử luôn tồn tại những rủi ro tiềm tàng do lỗi của Hệ thống của SBBS, của Khách Hàng hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác. Khách Hàng cam kết chấp nhận mọi rủi ro, mất mát hoặc bất kỳ thiệt hại nào khác phát sinh khi sử dụng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử do lỗi hệ thống, lỗi của bất kỳ bên thứ ba hoặc do các hành động, thao tác của Khách Hàng ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử. Khách Hàng cam kết đã đọc ý thức rõ ràng và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về những rủi ro có thể phát sinh từ việc sử dụng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử, bao gồm nhưng không giới hạn các rủi ro:
- (a) Lỗi hệ thống phần cứng, phần mềm không hoạt động hoặc hoạt động không đúng chức năng thiết kế do lũ lụt, hỏa hoạn, thiên tai, chập điện, hư hỏng tự nhiên, hành vi phá hoại hoặc gian lận của con người khiến cho lệnh giao dịch không được thực hiện hoặc được thực hiện nhưng không đúng với nội dung lệnh ban đầu;
 - (b) Rủi ro đường truyền điện thoại hoặc internet của nhà cung cấp dịch vụ gặp sự cố kỹ thuật như đứt đường truyền, quá tải hoặc những sự cố tương tự có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các giao dịch trực tuyến của Khách Hàng như giao dịch trực tuyến của Khách Hàng không thể truyền đến hệ thống của SBBS (lệnh giao dịch của Khách Hàng có thể bị treo/ngừng/trì hoãn hoặc có lỗi dữ liệu) hoặc việc nhận dạng thông tin của Khách Hàng bị nhầm lẫn, sai lệch;
 - (c) Hệ Thống giao dịch trực tuyến hiện tại giữa SBBS và Sở giao dịch Chứng khoán bị lỗi trong phiên giao dịch; Bảng giá chứng khoán và các thông tin chứng khoán khác có thể có lỗi/sai, lệch hoặc Khách Hàng không thể truy cập vào hệ thống của SBBS;
 - (d) Hệ thống máy tính của SBBS gặp sự cố do bị mất nguồn điện, bị tấn công, nhiễm virus hoặc bị ảnh hưởng của những sự cố ngoài ý muốn dẫn đến việc không thể xử lý hoặc thực hiện các giao dịch trực tuyến của Khách Hàng;
 - (e) Hệ thống máy tính của Khách Hàng bị hỏng, bị virus, bị tấn công dẫn đến việc làm lộ hoặc bị đánh cắp các thông tin về giao dịch của Khách Hàng (tên đăng nhập, mật khẩu, thiết bị xác thực, số điện thoại /điện thoại di động và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có)) hoặc tài khoản của Khách Hàng bị sử dụng một cách trái phép bởi một bên thứ ba;
 - (f) Bất cứ giao dịch nào thực hiện ngoài ý muốn của Khách Hàng do Khách Hàng chưa hiểu rõ nội dung, cách thức sử dụng các hình thức giao dịch mà mình đã đăng ký với SBBS, do sai sót trong quá trình Khách Hàng thao tác với các thiết bị (như nhập sai dữ liệu, dữ kiện, gõ nhầm phím, v.v.);
 - (g) Giao Dịch Điện Tử do Khách Hàng thực hiện sẽ được xử lý và thực hiện một cách tự động hoặc mặc nhiên ngay khi truyền đến hệ thống của SBBS. SBBS mặc nhiên xác nhận mọi giao dịch trực tuyến của Khách Hàng gửi đến SBBS đều do chính Khách Hàng thực hiện. Vì vậy, mọi ý kiến cho rằng đó là nhầm lẫn hoặc sai sót liên quan đến giao dịch của Khách Hàng đều không được chấp nhận. Mọi thiệt hại phát sinh do Khách Hàng chịu trách nhiệm.
- 7.2. SBBS không chịu trách nhiệm nếu Khách Hàng để lộ Mật Khẩu và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có). Trong trường hợp bị lộ hoặc Khách Hàng phát hiện có người sử dụng trái phép Tên Đăng Nhập, Mật Khẩu và các yếu tố nhận dạng khác (nếu có), Khách Hàng phải thông báo ngay lập tức cho SBBS để đình chỉ giao dịch và có biện pháp xử lý kịp thời.

ĐIỀU 8. TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH HÀNG LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

- 8.1. Khách Hàng có trách nhiệm bảo mật tuyệt đối Mật Khẩu, Mã PIN cũng như các thiết bị nhận mật khẩu động (nếu có) truy cập vào Hệ Thống giao dịch trực tuyến/tổng đài điện thoại của SBBS (“**Thông tin bảo mật**”). Trong trường hợp Khách Hàng nhận thấy hoặc nghi ngờ các thông tin bảo mật nêu trên bị tiết lộ hoặc bị một bên thứ ba bất kỳ kiểm soát hoặc thất lạc thiết bị nhận mật khẩu động, Khách Hàng ngay lập tức phải thông báo cho SBBS trực tiếp hoặc qua số điện thoại hotline của SBBS. Khi nhận được thông báo từ Khách Hàng, SBBS ngay lập tức tạm dừng cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng. Trong vòng 24h (hai tư giờ) kể từ thời điểm SBBS nhận được yêu cầu bằng văn bản từ Khách Hàng, SBBS sẽ tiến hành kích hoạt lại mật khẩu truy cập giao dịch trực tuyến/điện thoại và thông báo cho Khách Hàng. SBBS không chịu trách nhiệm đối với các tổn thất gây ra bởi việc Khách Hàng không hoặc chậm thông báo cho SBBS về việc các thông tin bảo mật đã bị mất cắp hoặc nghi ngờ đã bị lộ.
- 8.2. Khách Hàng phải chịu trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch đang diễn ra hoặc đã được thực hiện trước thời điểm SBBS có xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận được thông báo về việc lộ thông tin bảo mật của Khách Hàng.
- 8.3. Khách Hàng đồng ý ủy quyền cho SBBS ký xác nhận trên các phiếu lệnh và các giấy tờ liên quan khác được giao dịch tại các Sở Giao Dịch Chứng khoán và thực hiện các công việc cần thiết và hợp lý khác để thực hiện các giao dịch điện tử. Khách Hàng đồng ý chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền này và cam kết không hủy ngang việc ủy quyền, và không yêu cầu bồi thường bất kỳ thiệt hại nào phát sinh do việc ủy quyền này.
- 8.4. Khi thay đổi địa chỉ e-mail hay số điện thoại, số fax đã đăng ký hoặc bất kỳ thông tin cá nhân nào của Khách Hàng, Khách Hàng phải thông báo bằng văn bản hoặc tự cập nhật trên Hệ Thống của SBBS không chậm hơn một (01) ngày kể từ thời điểm thay đổi cho SBBS biết và kể từ thời điểm SBBS ghi nhận sự thay đổi đó, liên lạc giữa hai bên sẽ được thực hiện thông qua địa chỉ email hay số điện thoại, số fax mới. Việc thay đổi thông tin chỉ có hiệu lực sau khi được sự xác nhận của SBBS.

- 8.5. Khách Hàng có nghĩa vụ thường xuyên kiểm tra thông tin và biến động trên Tài Khoản Giao Dịch để kịp thời phản ánh cho SBBS các sai sót phát sinh (nếu có) trong quá trình sử dụng dịch vụ Giao Dịch Điện Tử.
- 8.6. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ phí dịch vụ và lệ phí khác liên quan đến dịch vụ Giao Dịch Điện Tử theo thông báo của SBBS tại từng thời điểm. Để tránh hiểu nhầm, Phí dịch vụ liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ Giao Dịch Điện Tử không phải là phí giao dịch chứng khoán mà Khách Hàng phải trả khi thực hiện giao dịch mua, bán chứng khoán.
- 8.7. Khách Hàng có nghĩa vụ áp dụng mọi biện pháp hợp lý nhằm đảm bảo an toàn, đảm bảo tính tương thích cho các loại máy móc, thiết bị kết nối, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng do Khách Hàng sử dụng khi kết nối, truy cập vào Hệ Thống nhằm kiểm soát, phòng ngừa và ngăn chặn việc sử dụng hoặc truy cập trái phép dịch vụ Giao Dịch Điện Tử.
- 8.8. Khách Hàng không được tự mình, hoặc cho phép người khác truy cập hoặc sử dụng trái phép vào Hệ Thống, cản trở hoạt động của Hệ Thống, sử dụng tài khoản được cấp theo cách gây hại cho Hệ Thống, gây ra bất kỳ lỗi, gián đoạn, tổn hại, chậm trễ cho bất kỳ phần nào của Hệ Thống hoặc các dịch vụ cung cấp qua Hệ Thống.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1. Sự Kiện Miễn Trừ là các sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan như định nghĩa theo Điều 156.1 Bộ Luật Dân Sự 2015.
- 9.2. Nếu một Sự Kiện Miễn Trừ xảy ra và có tác động tới một Bên thực hiện Hợp Đồng này bị trì hoãn quá ba mươi ngày thì SBBS có quyền đơn phương quyết định bằng thông báo trước 03 (ba) ngày tới Khách Hàng:
 - (a) Chấm dứt Hợp đồng này;
 - (b) Hủy bỏ, đình chỉ, chấm dứt bất cứ giao dịch nào; hoặc
 - (c) Đóng tài khoản của Khách Hàng.
- 9.3. SBBS sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý và không có bất cứ nghĩa vụ nào với Khách Hàng trong trường hợp phát sinh một Sự Kiện Bất Khả Kháng và đối với những quyết định của SBBS phát sinh từ Sự Kiện Miễn Trừ.

ĐIỀU 10. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- 10.1. Mỗi Bên cam kết bồi thường, bảo vệ và giữ cho bên còn lại được bồi thường; và giữ cho Bên còn lại không bị tổn hại; và sẽ chi trả và bồi thường cho bên còn lại đối với tất cả các tổn thất phải gánh chịu liên quan đến từ vi phạm hoặc không tuân thủ đối với bất kỳ cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mỗi Bên thực hiện theo Hợp Đồng này.
- 10.2. Tất cả các khoản bồi thường mà một Bên phải trả cho bên kia sẽ không phải chịu bất kỳ loại thuế nào. Trong trường hợp khoản bồi thường phải chịu bất kỳ loại thuế nào theo Pháp Luật, thì số tiền bồi thường đó sẽ được cộng gộp thêm khoản thuế đó.

ĐIỀU 11. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 11.1. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Hợp Đồng này, các thỏa thuận có liên quan, Phụ lục và các tài liệu đính kèm sẽ được giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.
- 11.2. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Hợp Đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng và hòa giải. Trường hợp thương lượng và hòa giải không thành công, một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa Án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 12. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, CHẤM DỨT

- 12.1. SBBS bảo lưu quyền sửa đổi, bổ sung hay chấm dứt bất kỳ điều khoản nào trong “Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Hợp Đồng Mở Tài Khoản” vào bất cứ thời điểm nào theo quy định của pháp luật hiện hành mà không cần có sự đồng ý của Khách Hàng. Bản cập nhật mới nhất được SBBS công bố trên trang thông tin điện tử của SBBS và bản mềm của nó sẽ được gửi đến địa chỉ thư điện tử đã đăng ký của Khách Hàng. Bản cập nhật mới nhất này sẽ có hiệu lực áp dụng thay thế bản cũ và trở thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng. Nếu Khách Hàng phản đối sửa đổi, sửa đổi đó sẽ không có giá trị ràng buộc đối với Khách Hàng, nhưng trong trường hợp này SBBS có quyền tự động đóng Tài Khoản Giao Dịch và đơn phương chấm dứt Hợp Đồng.
- 12.2. Sau khi SBBS công bố hoặc gửi thông báo về sửa đổi trong “Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Hợp Đồng Mở Tài Khoản” này, nếu Khách Hàng tiếp tục thực hiện giao dịch trên Tài Khoản Giao Dịch và sử dụng dịch vụ của SBBS, Khách Hàng được xem là đã chấp nhận những sửa đổi đó.

ĐIỀU 13. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 13.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi chấm dứt Hợp Đồng.
- 13.2. Trong trường hợp một phần nào đó của Hợp Đồng này là hoặc trở nên vô hiệu hoặc không có giá trị ràng buộc, căn cứ vào nội dung và mục đích của Hợp Đồng này, Các Bên sẽ thay thế phần vô hiệu hoặc không có giá trị ràng buộc bằng các quy định có hiệu lực và giá trị ràng buộc và hiệu lực pháp lý của các quy định đó trong phạm vi tối đa có thể tương đồng với các nội dung và mục đích của phần bị vô hiệu hoặc không có giá trị ràng buộc.
- 13.3. Việc một Bên, cho dù một hoặc nhiều lần, không thực hiện bất kỳ điều khoản, cam kết hoặc điều kiện nào của Hợp Đồng này, không thực hiện các quyền hoặc đặc quyền được quy định trong Hợp Đồng này, hoặc việc Bên đó từ bỏ bất kỳ khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường đối với bất kỳ vi phạm nào, sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ bất kỳ điều khoản, cam kết, điều kiện, quyền, đặc quyền, khiếu nại hoặc yêu cầu bồi thường nào theo Hợp Đồng này. Việc từ bỏ sẽ không có hiệu lực trừ khi được lập thành văn bản và ký hợp lệ bởi Bên từ bỏ.
- 13.4. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - (a) Theo thỏa thuận bằng văn bản của Các Bên;
 - (b) Khách Hàng đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách thông báo bằng văn bản (theo mẫu của SBBS) cho SBBS trước ít nhất năm (05) ngày làm việc với điều kiện là Khách Hàng đã thanh toán đầy đủ nghĩa vụ, dư nợ, phí, thuế cho SBBS;

- (c) SBBS đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Khách Hàng trước ít nhất năm (05) ngày làm việc theo quyết định của SBBS tùy từng thời điểm;
- (d) Khách Hàng vi phạm Hợp Đồng này hoặc thực hiện hành vi bị cấm theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, Hợp Đồng sẽ chấm dứt ngay sau khi SBBS gửi văn bản thông báo trước ba (03) ngày làm việc cho Khách Hàng;
- (e) Khách Hàng (là tổ chức) và/hoặc SBBS bị giải thể, phá sản, đình chỉ hoạt động hoặc bị thu hồi giấy phép hoạt động theo Quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (f) Khách Hàng (là cá nhân) bị chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

- 13.5. Việc chấm dứt Hợp Đồng này không ảnh hưởng tới các nghĩa vụ thanh toán của Các Bên đối với nhau phát sinh trước khi Hợp Đồng bị chấm dứt. Việc một Bên không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Bên còn lại theo thời hạn quy định tại Hợp Đồng là cơ sở để Bên còn lại tính lãi suất chậm trả kể từ ngày đến hạn thanh toán.
- 13.6. Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ một (01) bản để thực hiện

II. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

ĐIỀU 14. MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

- 14.1. Bằng việc ký tên vào Hợp đồng, Khách Hàng đề nghị SBBS mở Tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách Hàng tại SBBS.
- 14.2. Tại thời điểm đặt lệnh, Khách Hàng phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:
- (a) Đối với các lệnh mua, Khách Hàng phải đảm bảo số dư tiền mặt trên Tài Khoản Giao Dịch phải tương đương hoặc lớn hơn tổng giá trị Chứng Khoán được đặt lệnh, thuế và phí dịch vụ ước tính theo quy định của SBBS;
 - (b) Đối với các lệnh bán, Khách Hàng phải đảm bảo số dư Chứng Khoán trên Tài Khoản Giao Dịch phải đủ số lượng theo lô quy định bởi pháp luật và phải trong tình trạng được phép giao dịch;
 - (c) Khách Hàng chỉ được phép sửa, hủy một phần hoặc toàn bộ lệnh đã đặt trong trường hợp lệnh đã đặt chưa được khớp hoặc chưa được khớp hết. Đồng thời việc sửa đổi, hủy bỏ này được gửi trong thời gian và theo hình thức mà SBBS quy định, phù hợp với quy định của các Sở Giao Dịch Chứng Khoán và pháp luật hiện hành.
- 14.3. Để làm rõ, SBBS có quyền tra tính hợp lệ của các lệnh giao dịch của Khách Hàng để đảm bảo tuân thủ các quy định của SBBS và pháp luật hiện hành trước khi thực hiện. Trường hợp SBBS phát hiện lệnh giao dịch của Khách Hàng không hợp lệ hoặc có dấu hiệu bất thường, SBBS được quyền từ chối thực hiện giao dịch và thông báo cho Khách Hàng.
- 14.4. Khách Hàng có trách nhiệm tự kiểm tra kết quả giao dịch. SBBS sẽ thông báo kết quả thực hiện lệnh giao dịch theo hình thức thông báo do Khách Hàng đăng ký. Bất kỳ thắc mắc, khiếu nại nào đối với kết quả giao dịch cần được gửi đến SBBS muộn nhất là vào ngày giao dịch tiếp theo. Sau thời hạn trên, Khách Hàng được coi là đã chấp nhận kết quả giao dịch và cam kết không có bất kỳ khiếu nại hay khiếu kiện nào khác đối với SBBS.

ĐIỀU 15. LÃI SUẤT TRÊN SỐ DƯ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH LOẠI 1

Khách Hàng mở TKGD Loại 1 được nhận lãi tiền gửi căn cứ trên số dư tiền và lãi suất do SBBS công bố theo từng thời điểm.

ĐIỀU 16. CÁCH THỨC XỬ LÝ TÀI SẢN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG THANH TOÁN ĐÚNG HẠN

Khách Hàng đồng ý ủy quyền cho SBBS được quyền tự động trích và/hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán, ngân hàng lưu ký sử dụng tiền trong tài khoản thanh toán của Khách Hàng, chọn và bán một phần hoặc toàn bộ chứng khoán trong tài khoản của Khách Hàng để thanh toán các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo quy định tại Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại thuế, phí giao dịch, các loại phí khác có liên quan và tiền phạt (tương đương với lãi chậm trả) theo quy định của SBBS khi Khách Hàng vi phạm thời hạn thanh toán theo quy định của SBBS. Trong trường hợp số dư tiền và /hoặc chứng khoán của Khách Hàng không đủ để thanh toán các nghĩa vụ phát sinh, SBBS có quyền yêu cầu Khách Hàng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).

ĐIỀU 17. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

- 17.1. Quyền của Khách Hàng:
- (a) Khách Hàng ủy quyền cho SBBS thực hiện các hoạt động sau:
 - (i) Đối với Tài Khoản Giao Dịch Loại 1:
 - Truy cập vào Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng để kiểm tra số dư tiền khi Khách Hàng đặt lệnh mua chứng khoán.
 - Tự động trích tiền trong Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với phí giao dịch và các khoản phí phát sinh khác theo quy định của SBBS và các khoản thuế (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách Hàng phát sinh theo quy định của SBBS hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Tự động phong tỏa ngay số chứng khoán Khách Hàng đặt lệnh bán và tự động trích số chứng khoán của Khách Hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh.
 - Thu tiền bán chứng khoán và chuyển số tiền này vào Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng.
 - (ii) Đối với Tài Khoản Giao Dịch Loại 2:
 - Đề nghị Ngân hàng thanh toán cung cấp thông tin, xác nhận về khả năng thanh toán của Khách Hàng cho giao dịch mua chứng khoán khi Khách Hàng đặt lệnh mua chứng khoán và yêu cầu Ngân hàng thanh toán

phong toả số dư trong tài khoản thanh toán của Khách Hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán Khách Hàng đặt lệnh mua, thuê và các khoản phí phát sinh có liên quan;

- Yêu cầu Ngân hàng thanh toán trích tiền trong tài khoản thanh toán của Khách Hàng để thanh toán cho giao dịch chứng khoán đã khớp lệnh, cùng với phí giao dịch và các khoản phí phát sinh khác theo quy định của SBBS và các khoản thuế (nếu có) có liên quan ngay sau khi nghĩa vụ thanh toán của Khách Hàng phát sinh theo quy định của SBBS hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Tự động phong tỏa ngay số chứng khoán Khách Hàng đặt lệnh bán và tự động trích số chứng khoán của Khách Hàng để thanh toán cho những lệnh bán đã khớp lệnh; Cung cấp thông tin trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng bao gồm thông tin Khách Hàng, thông tin tài khoản, số dư tiền, chứng khoán, lịch sử giao dịch và các thông tin khác liên quan đến hoạt động giao dịch trên Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng cho Ngân hàng nơi Khách Hàng mở Tài khoản thanh toán.
- (b) Sở hữu hợp pháp, có quyền định đoạt cũng như hưởng các quyền lợi phát sinh từ Chứng Khoán trong Tài Khoản Giao Dịch;
- (c) Được quyền lựa chọn một trong các Ngân hàng được chỉ định trong danh sách của SBBS để mở Tài Khoản Ngân Hàng (đối với trường hợp Khách Hàng thanh toán thông qua ngân hàng chỉ định);
- (d) Đặt lệnh giao dịch Chứng Khoán theo phương thức giao dịch đã đăng ký và theo đúng quy định hiện hành;
- (e) Được ủy quyền, toàn phần hoặc từng phần, cho bên thứ ba thực hiện các giao dịch trên Tài Khoản Giao Dịch phù hợp với quy định của SBBS và phạm vi ủy quyền trong Giấy ủy quyền/Hợp Đồng ủy quyền hợp pháp và được sự chấp thuận của SBBS trước khi thực hiện giao dịch. Khách Hàng cam kết tự chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về việc ủy quyền đồng thời cam kết chấp nhận và không thực hiện bất cứ khiếu nại nào với SBBS đối với mọi hành vi của người được ủy quyền thực hiện trong phạm vi nội dung đã ủy quyền;
- (f) Được quyền rút/chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Chứng Khoán khỏi Tài Khoản Giao Dịch khi có nhu cầu hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng này với điều kiện Khách Hàng đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với SBBS;
- (g) Yêu cầu SBBS cung cấp thông tin về Tài Khoản Giao Dịch và kết quả giao dịch theo cách thức đã thỏa thuận bởi các bên;

17.2. Nghĩa vụ của Khách Hàng:

- (a) Mở Tài Khoản Ngân Hàng để thực hiện các giao dịch Chứng Khoán;
- (b) Kiểm tra thường xuyên số dư Chứng Khoán trong Tài Khoản Giao Dịch. Đồng thời, thông báo cho SBBS khi phát hiện có bất kỳ sự sai lệch nào;
- (c) Tuân thủ và thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và hướng dẫn của SBBS liên quan đến việc sử dụng Tài Khoản Giao Dịch và thực hiện giao dịch Chứng Khoán;
- (d) Cam đoan các thông tin cung cấp cho SBBS tại Hợp Đồng này và các thỏa thuận khác sẽ được ký với SBBS là hoàn toàn chính xác và đúng pháp luật. Trường hợp có sự thay đổi hoặc phát hiện thông tin bị sai lệch, Khách Hàng có trách nhiệm thông báo cho SBBS bằng văn bản trong thời hạn một (01) ngày kể từ ngày thay đổi hoặc phát hiện thông tin bị sai lệch để SBBS điều chỉnh. SBBS sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với những thiệt hại, rủi ro hoặc tổn thất phát sinh cho Khách Hàng do sự thay đổi hoặc sai lệch thông tin mà SBBS không được Khách Hàng thông báo kịp thời;
- (e) Cập nhật cho SBBS theo định kỳ sáu (06) tháng một lần các thông tin chính xác về tình hình tài chính, khả năng chịu đựng rủi ro và nhân thân của mình, cùng các thông tin khác theo mẫu của SBBS. Trường hợp Khách Hàng không cập nhật hoặc cập nhật thông tin sai, SBBS có quyền yêu cầu Khách Hàng cập nhật thông tin và tiếp tục thực hiện Hợp Đồng hoặc gửi thông báo trước mười (10) ngày về quyết định đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này mà không phải bồi thường cho Khách Hàng;
- (f) Chấp nhận kết quả giao dịch Chứng Khoán được thực hiện bởi SBBS là phù hợp với lệnh đặt giao dịch do Khách Hàng hoặc người được ủy quyền của Khách Hàng thực hiện. Khách Hàng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho SBBS nếu kết quả giao dịch có sai sót trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi nhận được xác nhận kết quả giao dịch Chứng Khoán hàng ngày. Trường hợp SBBS không nhận được thông báo từ Khách Hàng trong thời gian trên, SBBS sẽ xem như Khách Hàng chấp nhận kết quả giao dịch là hợp lệ và Khách Hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến giao dịch đó;
- (g) Thanh toán phí môi giới, phí lưu ký và các khoản phí khác cho SBBS theo các quy định về thời gian, tỷ lệ và cách thức thanh toán do SBBS công bố theo từng thời điểm và được niêm yết tại quầy giao dịch và trang thông tin điện tử của SBBS. Trường hợp SBBS và Khách Hàng có thỏa thuận mức phí môi giới riêng biệt trong một văn bản được ký kết riêng lẻ giữa SBBS và Khách Hàng thì mức phí môi giới theo văn bản riêng biệt này sẽ được áp dụng;
- (h) Bảo đảm tính hợp pháp số tiền và chứng khoán mà Khách Hàng đang sở hữu không có nguồn gốc từ hoạt động rửa tiền hoặc các hoạt động bất hợp pháp khác;
- (i) Khách Hàng cam kết không yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc khiếu kiện SBBS trong trường hợp Khách Hàng không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ đến hạn nào phát sinh từ bất kỳ giao dịch Chứng Khoán nào đã thực hiện và SBBS thực thi theo toàn quyền quyết định của mình bán tất cả Chứng Khoán trong Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng để giải quyết tất cả các nghĩa vụ thanh toán cho đến khi các nghĩa vụ đó được thực hiện xong;
- (j) Nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật, nếu có, phát sinh từ các giao dịch Chứng Khoán đã thực hiện của Khách Hàng;
- (k) Bảo mật tất cả và bất kỳ các thông tin liên quan đến Tài Khoản Giao Dịch của mình, Hợp Đồng này và các thỏa thuận khác mà Khách Hàng sẽ ký kết với SBBS.

ĐIỀU 18. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SBBS

18.1. Quyền của SBBS:

- (a) Thu phí dịch vụ và thay đổi Biểu phí dịch vụ. Biểu phí dịch vụ thay đổi sẽ được thông báo tại website và các phương tiện công bố thông tin khác của SBBS trước khi có hiệu lực.

- (b) Được phép trích tiền gửi trên Tài Khoản Giao Dịch (áp dụng đối với Tài Khoản Giao Dịch Loại 1) hoặc yêu cầu Ngân hàng chỉ định (đối với Khách Hàng đăng ký tài khoản loại 2) trích tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Khách Hàng để thanh toán các khoản phí có liên quan và thông báo cho Khách Hàng. Nếu Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng không có đủ tiền để thanh toán thì SBBS được quyền tính lãi đối với số tiền còn thiếu.
- (c) Trong trường hợp Khách Hàng vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào của Hợp Đồng này, bất kỳ quy định của pháp luật và/hoặc quy định do SBBS công bố theo từng thời điểm, bằng một (01) thông báo gửi cho Khách Hàng trước ba (03) ngày làm việc, SBBS có quyền đình chỉ hoặc chấm dứt hiệu lực giao dịch của Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng theo Hợp Đồng; SBBS sẽ không bị xem là vi phạm Hợp Đồng và không phải bồi thường cho Khách Hàng.
- (d) Nếu Khách Hàng không sử dụng Tài Khoản Giao Dịch liên tục sáu (06) tháng, SBBS có quyền tạm khóa Tài Khoản Giao Dịch và chỉ kích hoạt cho việc sử dụng lại sau khi Khách Hàng đã hoàn thành thủ tục kích hoạt lại theo quy định của SBBS.

18.2. Nghĩa vụ của SBBS:

- (a) Thực hiện các dịch vụ/giao dịch cho Khách Hàng theo nội dung của Hợp Đồng này.
- (b) Cung cấp thông tin về Tài Khoản Giao Dịch và kết quả giao dịch Chứng Khoán theo cách thức được thỏa thuận giữa các bên.
- (c) Bảo mật các thông tin về Tài Khoản Giao Dịch và các giao dịch Chứng Khoán của Khách Hàng trừ trường hợp phải tiết lộ theo quy định của pháp luật.
- (d) Có quyền phong tỏa Tài Khoản Giao Dịch (i) khi Khách Hàng có văn bản đề nghị, (ii) theo xác định của SBBS là cần thiết để bảo vệ lợi ích hợp pháp của SBBS hoặc (iii) theo xác định của SBBS là có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Có quyền giải tỏa Tài Khoản Giao Dịch đã bị phong tỏa khi các điều kiện để phong tỏa đã chấm dứt hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- (e) Chịu trách nhiệm về các dịch vụ được cung cấp chính thức bởi SBBS và bồi thường thiệt hại cho Khách Hàng theo quy định pháp luật trong trường hợp SBBS vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.
- (f) Không sử dụng tiền trong Tài Khoản Ngân Hàng và Chứng khoán trong Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng nếu không có sự đồng ý của Khách Hàng, ngoại trừ các trường hợp mà theo đó SBBS được toàn quyền định đoạt theo điểm **Điều 18.1(c)** của Hợp Đồng này hoặc theo các thỏa thuận khác giữa các bên.

III. ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG CHO TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Các Điều Khoản Và Điều Kiện về Hợp Đồng Mở Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán sau đây được áp dụng cho tất cả các TKGDQK mở tại SBBS. Khi sử dụng dịch vụ do SBBS cung cấp, Khách Hàng thừa nhận rằng Khách Hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý tuân thủ và chịu sự ràng buộc của Các Điều Khoản Và Điều Kiện được nêu dưới đây và đồng ý chịu ràng buộc bởi Các Điều Khoản Và Điều Kiện này, và bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện này được SBBS thực hiện tại từng thời điểm. Hợp Đồng, cùng với các yêu cầu Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán của Khách Hàng và các quy định liên quan khác do SBBS ban hành trong từng thời kỳ tạo thành Hợp Đồng giữa SBBS và Khách Hàng về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán.

ĐIỀU 19. ĐỊNH NGHĨA

- 19.1. **“Các tham số liên quan do SBBS quy định”** là các tham số có liên quan đến giao dịch ký quỹ tại SBBS bao gồm nhưng không giới hạn bởi: danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ, tỷ lệ cho vay, Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì, Tỷ Lệ Nợ Xứ Lý, Hạn Mức cho vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay... Các tham số này sẽ do SBBS quy định.
- 19.2. **“Chứng Khoán Ký Quỹ”** hoặc **“CKKQ”** là các chứng khoán đáp ứng đủ các điều kiện của pháp luật liên quan để được phép giao dịch ký quỹ và thuộc danh mục chứng khoán được giao dịch ký quỹ do SBBS quy định trong từng thời kỳ. Mỗi chứng khoán sẽ có tỷ lệ cho vay ký quỹ nhất định được quy định bởi SBBS.
- 19.3. **“Dư Nợ”** là tổng số tiền Khách Hàng nợ SBBS, bao gồm tiền gốc của Khoản Vay, tiền lãi của Khoản Vay, lãi chậm trả, tiền phạt, phí và lệ phí, thuế và các nghĩa vụ tài chính khác mà Khách Hàng nợ SBBS theo Hợp Đồng.
- 19.4. **“Giá Trị Tài Sản Đảm Bảo”** là tổng giá trị Tài Sản Đảm Bảo tính theo Giá Trị Đóng Cửa của ngày giao dịch liền kề trước đó hoặc Giá Căn Cứ, tùy theo giá nào thấp hơn.
- 19.5. **“Hạn Mức”** là tổng số tiền tối đa mà SBBS có thể cho Khách Hàng vay. Hạn Mức có thể được SBBS thay đổi theo từng thời kỳ và theo quy định của pháp luật.
- 19.6. **“Hợp Đồng”** là Hợp Đồng Mở Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán và các tài liệu đi kèm. Đồng thời, Hợp Đồng này cũng được coi là Hợp Đồng Vay cho các khoản vay trên TKGDQK.
- 19.7. **“Giá Căn Cứ”** là mức giá của từng mã chứng khoán làm căn cứ để xác định giá trị TSĐB trong TKGDQK của Khách Hàng và tính Hạn Mức của từng Khách Hàng, theo quy định của SBBS từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.
- 19.8. **“Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán”** hoặc **“GDKQCK”** là giao dịch mua chứng khoán có sử dụng tiền vay của SBBS, trong đó chứng khoán được mua từ tiền vay và các tài sản có trên Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ của Khách Hàng đáp ứng quy định được sử dụng làm Tài Sản Đảm Bảo cho khoản vay này.
- 19.9. **“Khách Hàng”** có nghĩa là cá nhân/tổ chức cá nhân đáp ứng đủ các điều kiện để mở tài khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán, theo quy định pháp luật và quy định của SBBS.
- 19.10. **“Lệnh Gọi Yêu Cầu Ký Quỹ Bổ Sung”** là lệnh của SBBS gửi đến Khách Hàng vào bất kỳ thời điểm nào khi tài sản của Khách Hàng sụt giảm do bất kỳ lý do gì hoặc do lệnh mua vượt giá trị được phép vay theo mô hình GDKQCK, theo đó, Khách Hàng phải ký quỹ thêm tiền mặt hoặc ký quỹ thêm chứng khoán được phép vay tương đương với số tiền gọi nộp hoặc bán bớt chứng khoán để bảo đảm Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì. SBBS tiến hành bán TSĐB trên TKGDQK của Khách Hàng khi Khách Hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung. Lệnh gọi ký quỹ bổ sung có thể được thể hiện bằng một trong các hình thức sau: Tin nhắn SMS, email, điện thoại, văn bản hoặc các phương tiện khác.
- 19.11. **“Ngày Đáo Hạn”** có nghĩa như quy định tại Điều 1.23.2(b).
- 19.12. **“Tài Sản Đảm Bảo”** hoặc **“TSĐB”** là toàn bộ chứng khoán của Khách Hàng hiện có hoặc sẽ có trong TKGDQK, bao gồm

nhưng không giới hạn các quyền gắn liền với chứng khoán như quyền nhận cổ tức, quyền biểu quyết, các quyền khác để bảo đảm thanh toán cho Dự Nợ và các nghĩa vụ khác (nếu có) của Khách Hàng theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện này và Hợp Đồng.

- 19.13. “**Tổng Tài Sản Trên TKGDQK**” là tổng số dư tiền trên TKGDQK gồm cả tiền bán chờ về và Giá Trị Tài Sản Đảm Bảo có trong TKGDQK.
- 19.14. “**Tỷ Lệ Tài Sản Nợ**” là tỷ lệ giữa Giá Trị Tài Sản Đảm Bảo và Dự Nợ của Khách Hàng.
- 19.15. “**Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì**” là Tỷ Lệ Tài Sản Nợ tối thiểu theo quy định của SBBS mà Khách Hàng phải duy trì trong mọi thời điểm. Khi Tỷ Lệ Tài Sản Nợ của Khách Hàng dưới mức Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì thì SBBS sẽ yêu cầu Khách Hàng ký quỹ bổ sung trong thời gian quy định. Trong trường hợp Khách Hàng không thực hiện ký quỹ bổ sung, SBBS có quyền xử lý TSDB.
- 19.16. “**Tỷ Lệ Xử Lý**” là Tỷ Lệ Tài Sản Nợ tối thiểu theo quy định của SBBS mà Khách Hàng phải duy trì. Khi Tỷ Lệ Tài Sản Nợ của Khách Hàng xuống dưới Tỷ Lệ Xử Lý, thì SBBS sẽ xử lý TSDB của Khách Hàng.
- Các định nghĩa trên có thể được thay đổi theo mô hình GDKQ của SBBS và Quy Tắc Giao Dịch tại từng thời điểm mà không cần có sự chấp thuận trước của Khách Hàng.

ĐIỀU 20. TÀI KHOẢN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

- 20.1. Ngay sau khi mở TKGDQK cho Khách Hàng, SBBS sẽ cam kết thay mặt Khách Hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán đối với các giao dịch chứng khoán do Khách Hàng thực hiện và được SBBS chấp thuận phù hợp với Hợp Đồng này. Khách Hàng tại đây đồng ý và ủy quyền SBBS thay mặt Khách Hàng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán này.
- 20.2. Sử dụng Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ:
- (a) TKGDQK là tài khoản để thực hiện các giao dịch mua/bán CKKQ, giải ngân để cho vay mua CKKQ, thanh toán tiền gốc cho vay mua CKKQ, lãi vay, phí, chi phí khác (nếu có) liên quan đến việc mua/bán CKKQ và các giao dịch khác theo quy định tại Hợp Đồng này và các Hợp Đồng liên quan;
 - (b) TKGDQK không được phép: chuyển khoản/rút tiền, chuyển khoản/cho/tặng chứng khoán, cầm cố/thể chấp chứng khoán cho bên thứ ba khi Khách Hàng còn đang nợ SBBS, trừ trường hợp được cho phép theo quy định của SBBS;
 - (c) TKGDQK được nhận tiền, chứng khoán được chuyển khoản đến để tăng Tài Sản Đảm Bảo. Trường hợp nhận chuyển khoản chứng khoán thì chứng khoán này phải nằm trong danh mục CKKQ của SBBS và/hoặc danh mục mà SBBS chấp thuận, đồng thời chưa và không được dùng để đảm bảo cho bất cứ nghĩa vụ nào của Khách Hàng đối với bên thứ ba.
- 20.3. Liên quan đến việc quản lý TKGDQK, Khách Hàng ủy quyền cho SBBS thực hiện các công việc sau:
- (a) Thay mặt Khách Hàng rút tiền/chuyển khoản tiền để thanh toán nợ cho SBBS khi Khách Hàng còn Dự Nợ;
 - (b) Thay mặt Khách Hàng thực hiện bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đến hạn đối với SBBS theo quy định tại Hợp Đồng, theo các tài liệu khác đã ký giữa SBBS và Khách Hàng và quy định của pháp luật hiện hành;
 - (c) Thay mặt Khách Hàng trích nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật, giữ lại chứng khoán/tiền của Khách Hàng để thực hiện việc bảo đảm nộp thuế;
 - (d) Cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản theo quy định của pháp luật.
- 20.4. Nội dung ủy quyền nêu trên không được hủy ngang cho đến khi Khách Hàng hoàn tất nghĩa vụ tài chính cho SBBS và chính thức thanh lý Hợp Đồng này với SBBS.
- 20.5. Khách Hàng được SBBS cấp Hạn Mức cho TKGDQK để thực hiện giao dịch mua/bán chứng khoán theo đúng các quy định tại Hợp Đồng này. Khách Hàng có trách nhiệm sử dụng Hạn Mức được cấp theo đúng quy định tại Hợp Đồng này và quy định pháp luật hiện hành liên quan.
- 20.6. SBBS có quyền đơn phương thay đổi Hạn Mức cung cấp cho Khách Hàng bằng cách thông báo cho Khách Hàng. Phương thức thông báo do SBBS toàn quyền quyết định.

ĐIỀU 21. CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN ĐỂ ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN

Khách Hàng được GDKQCK khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- 21.1. Khách Hàng đã có tài khoản giao dịch tại SBBS và đã ký kết Hợp Đồng Mở Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán với SBBS.
- 21.2. Khách Hàng đáp ứng các điều kiện về GDKQCK và TSDB của SBBS quy định trong từng thời kỳ, không thuộc các trường hợp chấm dứt, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc bị hạn chế giao dịch theo các quy định của SBBS từng thời kỳ.
- 21.3. Khách Hàng phải duy trì các tỷ lệ theo yêu cầu và thực hiện đảm bảo khoản vay theo quy định của SBBS từng thời kỳ.
- 21.4. Các điều kiện khác theo quy định của Hợp Đồng này, phụ lục (nếu có) và quy định của SBBS.

ĐIỀU 22. TỶ LỆ KÝ QUỸ ĐẶT MUA/BÁN CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC ÁP DỤNG

- 22.1. Trường hợp Khách Hàng đăng ký Tài Khoản Giao Dịch Loại 1: Khách Hàng phải có số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán trong Tài Khoản Giao Dịch tương ứng 100% giá trị chứng khoán tại thời điểm Khách Hàng đặt lệnh mua cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của Khách Hàng.
- 22.2. Trường hợp Khách Hàng đăng ký Tài Khoản Giao Dịch Loại 2: Khách Hàng có trách nhiệm hoặc ủy quyền SBBS yêu cầu ngân hàng thanh toán thực hiện phong tỏa số dư tiền trong Tài Khoản Giao Dịch của Khách Hàng tương ứng với 100% giá trị chứng khoán tại thời điểm Khách Hàng đặt lệnh mua cộng với các khoản chi phí phát sinh liên quan đến giao dịch chứng khoán của Khách Hàng.

ĐIỀU 23. CHO VAY GIAO DỊCH KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN

- 23.1. Phương thức giải ngân khoản vay

- (a) Việc Khách Hàng đặt lệnh mua CKKQ đồng nghĩa với việc Khách Hàng đề nghị SBBS cho Khách Hàng vay. Căn cứ theo quy định GDKQ và nguồn vốn của SBBS, SBBS có thể cho chấp nhận hoặc không chấp nhận cho Khách Hàng vay.
 - (b) Khi lệnh mua CKKQ được khớp, SBBS sẽ ghi nhận giá trị vay vào tài khoản của Khách Hàng. Ngày ghi nhận được xác định là ngày khoản vay được giải ngân.
 - (c) Khách Hàng đồng ý nhận nợ đối với các khoản vay mà SBBS đã ghi nhận theo lệnh mua CKKQ của Khách Hàng mà không cần thêm bất kỳ sự xác nhận nào khác. Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền SBBS đã giải ngân cho Khách Hàng theo quy định tại Điều này.
 - (d) Mỗi lệnh yêu cầu giải ngân, khi được SBBS chấp thuận, là một khoản vay riêng biệt và do vậy, các quy định về thời hạn vay, trả nợ, lãi suất và các điều khoản cho vay khác sẽ áp dụng cho từng khoản vay một cách riêng biệt.
- 23.2. Thời hạn cho vay và trả nợ vay
- (a) Thời hạn vay là thời hạn ba mươi (30) ngày bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ kể từ ngày SBBS thực hiện ghi nhận khoản vay. Thời hạn cho vay có thể được điều chỉnh theo quyết định của SBBS. Thời hạn cho vay mới (sau khi điều chỉnh) sẽ có hiệu lực áp dụng đối với các khoản vay mới phát sinh kể từ khi SBBS áp dụng thời hạn cho vay mới.
 - (b) Thời hạn cho vay có thể được tự động gia hạn theo quy định của SBBS hoặc theo đề nghị từ Khách Hàng trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và của SBBS. Giá trị khoản vay khi gia hạn sẽ được tính lại bao gồm cả tiền lãi, phí của khoản vay theo quy định của SBBS từng thời kỳ. Trong trường hợp khoản vay không được chấp nhận gia hạn, Khách Hàng có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ khoản vay, tiền lãi và bất kỳ chi phí phát sinh, không muộn hơn ngày hết thời hạn ("**Ngày Đáo Hạn**") của khoản vay.
 - (c) Nếu vào Ngày Đáo Hạn của khoản vay mà Khách Hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, SBBS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khấu trừ bất kỳ số tiền nào trên TKGDKQ và/hoặc xử lý TSDB trên TKGDKQ và các tài sản khác để thu hồi khoản nợ đó.
 - (d) Trong trường hợp Khách Hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vào Ngày Đáo Hạn, khoản vay đến hạn, lãi vay và các chi phí phát sinh sẽ bị coi là nợ quá hạn và bị tính lãi suất quá hạn.
 - (e) Trường hợp Ngày Đáo Hạn ngày nghỉ, lễ, Tết theo quy định của pháp luật Việt Nam thì Khách Hàng có trách nhiệm hoàn trả khoản vay vào ngày làm việc kế tiếp liên kế với ngày nghỉ, lễ, Tết đó.
 - (f) Không phụ thuộc vào thời hạn cho vay, Khách Hàng đồng ý trả cho SBBS tất cả các khoản vay, bao gồm tiền nợ gốc, lãi, phí phát sinh ngay khi Khách Hàng có tiền trong TKGDKQ hoặc khi tiền bán chờ về trong TKGDKQ. Việc trả nợ được thực hiện một hoặc nhiều lần (thanh toán từng phần) tùy thuộc vào số dư tiền trong TKGDKQ của Khách Hàng và theo quy định về thu nợ của SBBS từng thời kỳ.
 - (g) Khách Hàng có nghĩa vụ thanh toán và theo đây đồng ý ủy quyền cho SBBS trích từ TKGDKQ và/hoặc tài khoản giao dịch của Khách Hàng bất kỳ khoản tiền nào để thanh toán cho các khoản phí giao dịch, phí môi giới, thuế thu nhập, chi phí khác có liên quan đến TKGDKQ và giao dịch CKKQ thực hiện theo lệnh của Khách Hàng, các chi phí liên quan đến việc quản lý, phong tỏa và xử lý Tài Sản Đảm Bảo. Các khoản phí dịch vụ của SBBS thực hiện theo biểu phí được công bố từng thời kỳ.
- 23.3. Lãi suất cho vay
- (a) Lãi suất cho vay GDKQ do SBBS quy định tại thời điểm ghi nhận khoản vay. Khách Hàng cam kết đồng ý tất cả các lãi suất cho vay mà SBBS áp dụng và không có bất kỳ khiếu nại nào.
 - (b) Lãi suất cho vay GDKQ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm theo năm (cơ sở 360 ngày/năm).
 - (c) Tiền lãi vay được tính từ ngày phát sinh đến ngày hoàn trả khoản vay. Tiền lãi phải được Khách Hàng thanh toán cùng thời điểm thanh toán nợ gốc của khoản vay, trừ trường hợp khoản vay được gia hạn theo quy định tại **Điều 23.2(b)**. Công thức tính tiền lãi vay: Tiền lãi vay = Số tiền vay x Lãi suất x Số ngày vay thực tế /360.
 - (d) Phí tái tục khoản vay là phí mà Khách Hàng phải trả cho SBBS khi đến Ngày Đáo Hạn và khoản vay được SBBS chấp nhận gia hạn. Phí này được thực hiện theo biểu phí quy định được SBBS công bố từng thời kỳ.
- 23.4. Nguyên tắc khi Khách Hàng rút tiền/chứng khoán:
- Khách Hàng chỉ được rút tiền trên TKGDKQ sau khi đã thanh toán hết toàn bộ các khoản nợ với SBBS hoặc khi trên TKGDKQ có tiền hoặc/và chứng khoán và sau khi rút vẫn phải bảo đảm tỷ lệ ký quỹ và bảo đảm các quy định của SBBS theo từng thời kỳ. Khách Hàng tại đây cam kết đã hiểu, đồng ý và không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với SBBS về nguyên tắc, phương thức, thủ tục giải ngân và nhận nợ theo quy định tại Điều này.
- 23.5. Quy định về thu thuế, phí (nếu có):
- Khách Hàng có trách nhiệm thanh toán các khoản thuế, phí (nếu có) theo quy định của SBBS và cơ quan có thẩm quyền trong từng thời kỳ.

ĐIỀU 24. LỆNH GỌI YÊU CẦU KÝ QUỸ BỔ SUNG

- 24.1. Trường hợp Tỷ Lệ Tài Sản Nợ trên TKGDKQ của Khách Hàng tại bất kỳ thời điểm nào giảm xuống dưới Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì (vì bất kỳ lý do nào) thì Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung TSDB (bằng tiền mặt, hoặc Chứng Khoán Ký Quỹ) để đưa Tỷ Lệ Tài Sản Nợ về mức lớn hơn hoặc bằng Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì.
- 24.2. Trong trường hợp nêu tại **Điều 24.1**, SBBS sẽ phát hành Lệnh Gọi Ký Quỹ Bổ Sung gửi tới Khách Hàng bằng thư điện tử, điện thoại, tin nhắn văn bản hoặc phương thức khác được sự đồng ý của SBBS. Khách Hàng có nghĩa vụ bổ sung TSDB theo đúng yêu cầu của SBBS trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ khi Khách Hàng nhận được Lệnh Gọi Ký Quỹ Bổ Sung từ SBBS.
- 24.3. Lệnh Gọi Ký Quỹ Bổ Sung của SBBS được xem là đã được gửi tới Khách Hàng và Khách Hàng đã nhận được lệnh đó khi:
 - (a) Vào thời điểm hệ thống của SBBS ghi nhận cuộc gọi mà SBBS gọi cho Khách Hàng (dù có kết nối được hay không) (nếu sử dụng phương thức liên hệ qua điện thoại); hoặc
 - (b) Vào thời điểm thư điện tử gửi thành công (theo ghi nhận trên hệ thống/thiết bị của SBBS) (nếu sử dụng phương thức liên hệ qua thư điện tử); hoặc

- (c) Vào thời điểm tin nhắn được gửi đi thành công (theo ghi nhận trên hệ thống/thiết bị của SBBS) (nếu sử dụng phương thức liên hệ bằng tin nhắn).
 - (d) Khách Hàng đồng ý rằng khi SBBS đã thực hiện việc gửi thông báo cho Khách Hàng theo một trong các phương thức trên nghĩa là SBBS đã hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc thông báo cho Khách Hàng và SBBS hoàn toàn không chịu trách nhiệm trong trường hợp các phương tiện liên lạc do Khách Hàng lựa chọn ở trên không nhận được thông báo vì bất cứ lý do gì.
- 24.4. Việc bổ sung TSDB được thực hiện dưới các hình thức:
- (a) bổ sung bằng tiền;
 - (b) bổ sung bằng chứng khoán có trong danh mục CKKQ; hoặc
 - (c) tài sản khác được phép sử dụng làm TSDB theo quy định của SBBS tại thời điểm bổ sung tuân thủ theo quy định của pháp luật. Giá trị TSDB bổ sung được SBBS tính toán và thông báo cụ thể cho Khách Hàng tại thời điểm Khách Hàng nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

ĐIỀU 25. TÀI SẢN ĐẢM BẢO VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN ĐẢM BẢO

- 25.1. Khi sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán, Khách Hàng đã mặc nhiên thể chấp toàn bộ tài sản có trong TKGDQK của Khách Hàng, bao gồm: tiền mặt hiện có, tiền bán chứng khoán đang chờ về, chứng khoán hiện có hoặc đang chờ về, và các tài sản khác (nếu có) để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Khách Hàng đối với SBBS. Nghĩa vụ thanh toán được quy định trong Hợp Đồng này bao gồm và không giới hạn trong nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các chi phí khác cũng như các nghĩa vụ hoàn trả, thanh toán trong trường hợp Hợp Đồng bị hủy bỏ, chấm dứt, vô hiệu của Khách Hàng với SBBS.
- 25.2. SBBS và/hoặc bên thứ ba do SBBS ủy quyền có quyền tính toán, đánh giá và xác định lại giá trị của TSDB này theo giá thị trường như quy định tại Hợp Đồng này. Khách Hàng đồng ý với việc tính toán, đánh giá và xác định lại này và cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp nào với SBBS về vấn đề này.
- 25.3. Thời hạn bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán tại **Điều 25.1**: tính từ khi Khách Hàng sử dụng dịch vụ ký quỹ chứng khoán cho đến khi Khách Hàng hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ thanh toán gốc, lãi, phí, phạt... và các nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 25.4. Phong tỏa Tài Sản Đảm Bảo:
- (a) Khách Hàng chấp nhận và SBBS đồng ý phong tỏa toàn bộ TSDB của Khách Hàng tại TKGDQK kể từ ngày sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ.
 - (b) Trong thời hạn bảo đảm nghĩa vụ thanh toán, Khách Hàng có thể bán một phần hoặc toàn bộ TSDB để mua chứng khoán khác với điều kiện số tiền về tài khoản của Khách Hàng sẽ phải trả các nghĩa vụ thanh toán cho SBBS trước.
 - (c) Trong trường hợp Khách Hàng đã hoàn thành toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ thanh toán quy định tại Hợp Đồng này, SBBS sẽ giải tỏa Tài Sản Đảm Bảo.
- 25.5. Xử lý Tài Sản Đảm Bảo:
- SBBS có quyền xử lý TSDB của Khách Hàng tại bất kỳ thời điểm nào khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
- (a) Khi đến hạn mà Khách Hàng thực hiện không đúng/đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho SBBS.
 - (b) Khi SBBS thông báo ký quỹ bổ sung mà Khách Hàng không thực hiện ký quỹ thêm tiền/ chứng khoán và/hoặc ký quỹ không đủ và/hoặc trả bớt nợ trong thời gian quy định của SBBS.
 - (c) Khi Tỷ Lệ Nợ của Khách Hàng xuống bằng hoặc thấp hơn Tỷ Lệ Xử Lý.
 - (d) Khách Hàng vi phạm các cam kết khác nêu tại Hợp Đồng này.
 - (e) Pháp luật quy định TSDB phải được xử lý để thực hiện nghĩa vụ khác đã đến hạn hoặc theo các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.
- 25.6. Phương thức xử lý Tài Sản Đảm Bảo:
- (a) Ngay khi phát sinh các sự kiện tại **Điều 25.5** này, SBBS có toàn quyền trong việc xử lý Tài Sản Đảm Bảo, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc quyết định giá bán, phương thức và thời điểm. Khách Hàng theo đây cam kết từ bỏ mọi quyền khiếu nại, khiếu kiện, tranh chấp với SBBS liên quan đến vấn đề xử lý TSDB được thực hiện bởi SBBS hoặc bên thứ ba do SBBS ủy quyền.
 - (b) Khách Hàng đồng ý và chấp nhận thanh toán mọi chi phí liên quan đến việc xử lý Tài Sản Đảm Bảo.
 - (c) Sau khi xử lý TSDB, số tiền thu được sẽ được sử dụng để thanh toán các khoản phí, chi phí và các khoản thuế liên quan (nếu có) trong quá trình xử lý Tài Sản Đảm Bảo, trả các khoản nợ mà Khách Hàng phải trả cho SBBS, gồm cả nợ gốc, lãi, phí, chi phí, nghĩa vụ thuế liên quan đến xử lý TSDB, tiền phạt và tiền bồi thường thiệt hại (nếu có) và các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định tại Hợp Đồng này; nếu còn dư thì SBBS sẽ hoàn trả lại cho Khách Hàng phần tiền còn dư này; nếu còn thiếu thì Khách Hàng có nghĩa vụ tiếp tục trả cho SBBS cho đến khi thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính còn tồn đọng cho SBBS.
 - (d) Nếu sau khi bán TSDB mà tổng số tiền có trên TKGDQK của Khách Hàng không đủ trả hết nợ cho SBBS thì SBBS có toàn quyền áp dụng các biện pháp/quy định sau:
 - (i) Bán chứng khoán khác và/hoặc khấu trừ các khoản tiền có trong TKGD hoặc bất kỳ tài khoản nào khác của Khách Hàng để thu hồi nợ; và/hoặc
 - (ii) Yêu cầu phong tỏa và trích/khấu trừ tiền trong tài khoản ngân hàng của Khách Hàng để thanh toán khoản tiền Khách Hàng nợ SBBS; và/hoặc
 - (iii) Yêu cầu cơ quan chỉ trả tiền/thu nhập cho Khách Hàng thực hiện việc khấu trừ từ khoản tiền phải trả cho Khách Hàng để thanh toán khoản tiền Khách Hàng nợ SBBS; và/hoặc
 - (iv) Định đoạt các tài sản khác của Khách Hàng để thu hồi một phần hoặc toàn bộ khoản tiền Khách Hàng nợ SBBS.
 - (e) Khách Hàng đồng ý rằng:

- (i) SBBS có toàn quyền sử dụng một hoặc tất cả các biện pháp thu hồi nợ nêu trên;
- (ii) Các cơ quan/tổ chức có liên quan (ngân hàng, cơ quan chi trả tiền/thu nhập...) có quyền thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của SBBS mà không cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào từ Khách Hàng miễn rằng SBBS có chứng cứ về việc Khách Hàng chưa trả hết nợ cho SBBS.

ĐIỀU 26. PHƯƠNG THỨC XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP SBBS KHÔNG ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ CHỨNG KHOÁN

- 26.1. Khi SBBS ngừng thực hiện giao dịch ký quỹ tự nguyện, SBBS sẽ tiến hành công bố thông tin với cơ quan quản lý đồng thời có phương án xử lý chi tiết (cách thức xử lý, thời gian tất toán Hợp Đồng, thanh lý....) gửi tới và công bố với Khách Hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- 26.2. Trường hợp SBBS không đáp ứng một hoặc một số điều kiện theo quy định về giao dịch ký quỹ SBBS ngừng ngay việc ký mới Hợp Đồng Mở Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán, ngừng cho vay vốn để thực hiện giao dịch ký quỹ và báo cáo cơ quan quản lý, đồng thời tiến hành khắc phục để thực hiện giao dịch ký quỹ như bình thường. Nếu không khắc phục được điều kiện theo quy định về Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán, SBBS sẽ tiến hành thanh lý theo **Điều 26.1** của điều này.

ĐIỀU 27. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA SBBS

- 27.1. Quyền của SBBS
 - (a) Được quyền quyết định và áp dụng tức thì các thay đổi, bổ sung hoặc loại bỏ danh mục CKKQ, danh mục tài sản bảo đảm, tỷ lệ ký quỹ, thời hạn thanh toán khoản vay, lãi suất cho vay và các khoản phí khác ở từng thời điểm theo quy định của SBBS;
 - (b) Được quyền xác định, điều chỉnh, thay đổi và áp dụng vào từng thời điểm các thông số có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở danh mục CKKQ, tỷ lệ cho vay đối với từng loại chứng khoán cụ thể thuộc danh mục CKKQ mà SBBS công bố vào từng thời điểm, Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì và các thông số khác có liên quan khác theo xác định của SBBS;
 - (c) Ngưng cung cấp dịch vụ Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán và yêu cầu Khách Hàng hoàn trả lại toàn bộ số tiền vay ký quỹ và lãi vay cho vay ký quỹ theo thỏa thuận ban đầu hoặc được quyền chủ động bán chứng khoán để thu hồi toàn bộ Dư Nợ ký quỹ trong các trường hợp:
 - (i) Mã chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán;
 - (ii) SBBS từ chối giải ngân và không cho phép giao dịch mua chứng khoán kể cả bằng tiền mặt đối với một số trường hợp thuộc quy định của UBCKNN theo từng thời kỳ;
 - (iii) Khách Hàng vi phạm các quy định về thanh toán của SBBS hoặc các quy định về Tỷ Lệ Tài Sản Nợ Duy Trì;
 - (iv) Khoản vay hết thời hạn theo quy định của Hợp Đồng này;
 - (v) Khách Hàng hoặc người được ủy quyền thanh toán đang ở trong tình trạng chuẩn bị phá sản,...
 - (d) SBBS có toàn quyền bán toàn bộ hoặc một phần bất kỳ chứng khoán nào trên TKGDQ vào bất kỳ lúc nào và với bất kỳ mức giá nào được SBBS xem là phù hợp mà không cần sự đồng ý của Khách Hàng để thu hồi toàn bộ Dư Nợ ký quỹ khi Khách Hàng vi phạm điều kiện quy định tại **Điều 27.1(c)** của điều này hoặc các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
- 27.2. Nghĩa vụ của SBBS
 - (a) Thực hiện cho vay ký quỹ theo đúng cam kết cho Khách Hàng khi Khách Hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán theo Hợp Đồng này;
 - (b) SBBS có trách nhiệm thông báo kịp thời, đầy đủ cho Khách Hàng về những quyền lợi phát sinh liên quan đến chứng khoán trong TKGDQ của Khách Hàng; gửi cho Khách Hàng bảng sao kê Tài Khoản Giao Dịch Ký Quỹ bằng thư điện tử hoặc các phương thức khác do SBBS quy định;
 - (c) SBBS có nghĩa vụ công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của mình về các điều kiện cung cấp dịch vụ GDKQCK bao gồm danh mục CKKQ được thực hiện giao dịch ký quỹ, lãi suất vay;
 - (d) Thông báo cho Khách Hàng về thay đổi của Hạn Mức, danh mục, thời hạn của khoản vay và tình hình khi đến mức tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng thư điện tử hoặc phương thức khác do SBBS lựa chọn để Khách Hàng phối hợp xử lý và nghĩa vụ khác theo quy định của luật Việt Nam.

ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHÁCH HÀNG

- 28.1. Quyền của Khách Hàng
 - (a) Yêu cầu SBBS cung cấp dịch vụ cho vay giao dịch ký quỹ theo thỏa thuận khi các điều kiện theo quy định Giao Dịch Ký Quỹ Chứng Khoán đã được đáp ứng đầy đủ;
 - (b) Sở hữu hợp pháp số tiền và chứng khoán trên TKGDQ;
 - (c) Được hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ chứng khoán trên TKGDQ, bao gồm các khoản lợi nhuận phát sinh, và đầy đủ các quyền liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền nhận cổ tức, lãi trái phiếu, cổ phiếu thưởng... do SBBS lưu giữ theo quy định của pháp luật;
 - (d) Được yêu cầu rút một phần hoặc toàn bộ số tiền trên TKGDQ sau khi thanh toán đầy đủ cho SBBS.
- 28.2. Nghĩa vụ của Khách Hàng
 - (a) Chấp thuận các lệnh mua bằng vốn vay ký quỹ của Khách Hàng thuộc quyền quyết định của SBBS căn cứ vào điều kiện thực tế và khả năng thanh toán của Khách Hàng tùy từng thời điểm;
 - (b) Lệnh mua sử dụng dịch vụ GDKQCK của Khách Hàng không được vượt quá Hạn Mức cho vay và phải đáp ứng các điều kiện được quy định bởi SBBS theo từng thời điểm;
 - (c) Hoàn trả đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán cho SBBS theo quy định của Hợp Đồng;
 - (d) Thanh toán các khoản phí giao dịch chứng khoán do SBBS thực hiện theo lệnh của Khách Hàng căn cứ vào biểu phí do SBBS công bố vào từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật và các khoản thuế (nếu có);

- (e) Trong trường hợp SBBS không thể xử lý bán chứng khoán hoặc SBBS đã xử lý bán chứng khoán nhưng không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi vay, các khoản phí giao dịch, thuế... cho SBBS thì Khách Hàng phải có trách nhiệm thanh toán đầy đủ phần vốn vay, lãi vay, và các khoản phí phát sinh bằng tài sản khác của mình trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ SBBS;
- (f) Trong trường hợp Khách Hàng bị bán chứng khoán là TSĐB, Khách Hàng có trách nhiệm thực hiện tất cả nghĩa vụ phát sinh liên quan đến chứng khoán đã bán như nghĩa vụ công bố thông tin đối với chứng khoán bán là đối tượng phải công bố thông tin trước khi thực hiện giao dịch và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.